

KẾ HOẠCH

Hưởng ứng, triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, Khung năng lực số và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/5/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hà Nội về việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn Thành phố; Kế hoạch số 2642/KH-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Hà Nội về việc triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 3706/KH-SGDĐT ngày 16/9/2025 của Sở GDĐT về triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 4195/SGDĐT-VP ngày 13/10/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) năm học 2025-2026; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 02/12/2025 của UBND phường Bồ Đề,

Trường THCS Ngọc Lâm xây dựng Kế hoạch hưởng ứng, triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, Khung năng lực số và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Quán triệt, thực hiện hiệu quả, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong nhà trường, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, trách nhiệm của đơn vị, cá nhân; là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch số 2642/KH-SGDĐT.

- Thực hiện nghiên cứu và triển khai thực hiện Chương trình phổ cập phù hợp khung kỹ năng số, Khung năng lực số của từng nhóm đối tượng học sinh phổ thông, tập trung vào các nội dung cốt lõi tăng cường thực hành, ứng dụng trong công việc và đời sống.

- Biên soạn, giới thiệu, bổ sung, phát hành tài liệu, bài giảng đa dạng về thể loại phục vụ tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho học sinh phổ thông dựa trên tài liệu, bài giảng, Khung năng lực số do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng phù hợp yêu cầu.

- Thực hiện giáo dục kỹ năng số, Khung năng lực số cho học sinh.

- Tăng tỷ lệ 100% học sinh và học viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số theo Khung NLS để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường số. Phát huy vai trò của học sinh, trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số, Khung NLS cho người dân.

- Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao NLS cho học sinh theo các tiêu chí trong Khung NLS cho học sinh phổ thông trên cơ sở Khung NLS cho người học ban hành kèm theo Thông tư số 02 nhằm giúp học sinh nâng cao NLS để ứng dụng trong học tập và cuộc sống.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần hình thành và phát triển những năng lực thiết yếu của công dân số, sẵn sàng tham gia vào môi trường số trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Yêu cầu:

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch số 2642/KH-SGDĐT và thực hiện Khung NLS cho học sinh dựa trên Khung NLS cho người học ban hành kèm theo Thông tư số 02, đối với từng khối lớp trong quá trình triển khai thực hiện, các nội dung, mức độ cần đạt cho từng đối tượng theo *Phụ lục đính kèm Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, bảo đảm các yêu cầu sau:

- Tính phù hợp và thực tế: Việc tổ chức thực hiện Khung NLS phải đáp ứng các chuẩn mực quốc tế nhưng vẫn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Quá trình triển khai cần được thực hiện từng bước, có lộ trình đồng bộ, đảm bảo tính khả thi.

- Việc triển khai không làm thay đổi hay gây quá tải cho Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Cần đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng môn học và hoạt động giáo dục để lồng ghép các nội dung nâng cao NLS cho từng đối tượng một cách hợp lý. Nội dung và hoạt động phát triển NLS phải được thiết kế phù hợp với tâm lý lứa tuổi, nhu cầu và khả năng tiếp cận công nghệ của học sinh.

- Tối ưu hóa nguồn lực: cần phát huy tối đa nguồn lực và cơ sở vật chất sẵn có, tránh đầu tư dàn trải, không hiệu quả.

- Đảm bảo công bằng: có giải pháp phù hợp để mọi học sinh, nhất là các em ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đều có cơ hội tiếp cận với giáo dục kỹ năng công dân số.

- Vai trò của các môn học: Môn Tin học giữ vai trò chủ đạo, cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống các kỹ năng số cốt lõi cho học sinh; các môn học và hoạt động giáo dục khác tạo môi trường để học sinh vận dụng kỹ năng số vào thực tế, qua đó củng cố và phát triển năng lực một cách toàn diện. NLS của học sinh được hình thành và phát triển một cách liên tục, tích hợp trong suốt quá trình học tập thông qua các môn học và hoạt động giáo dục.



II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

* **Về Năng lực số:** 100% giáo viên đạt mức cơ bản theo Khung NLS của Bộ GD&ĐT; 80% học sinh đạt các mức độ theo yêu cầu của Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT.

* **Về Chuyển đổi số:** Hoàn thiện cơ sở dữ liệu số của nhà trường; 100% hồ sơ hành chính được xử lý trực tuyến; 70% tài liệu học tập được số hóa.

* **Về Phong trào:** Thu hút 100% cán bộ, giáo viên tham gia công tác hướng dẫn kỹ năng số cho cộng đồng (phụ huynh, người dân địa phương).

1. Năm 2025

- 100% các tổ chuyên môn, các đoàn thể, các cá nhân thực hiện kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

- 90% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

- 100% học sinh trong trường, được giới thiệu và tìm hiểu kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

- Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch trong đó có tổ chức ít nhất 01 sự kiện/dự án học tập cộng đồng về chuyển đổi số.

- 90% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và 50% học sinh trở lên thực hiện hoạt động hỗ trợ ít nhất 01 người thân phổ cập kiến thức, kỹ năng số trên nền tảng VNED và các tiện ích số khác.

2. Năm 2026

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu, sáng tạo; nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

- 100% bộ phận và tổ chức trong nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức ít nhất 01 sự kiện/dự án học tập cộng đồng về chuyển đổi số.

- 80% số học sinh trở lên thực hiện hoạt động hỗ trợ ít nhất 01 người thân phổ cập kiến thức, kỹ năng số trên nền tảng VNED và các tiện ích số khác.

III. NỘI DUNG VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Lĩnh vực 1: Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” (Phổ cập kỹ năng số cộng đồng)

STT	Hoạt động	Mô tả chi tiết	Đối tượng tham gia	Thời gian thực hiện	Kết quả
1.1	Khảo sát nhu cầu	Khảo sát mức độ sử dụng công nghệ của phụ huynh và cộng đồng địa phương.	Ban Giám hiệu, GVCN, Đoàn thanh niên	Tháng 8 hàng năm	Báo cáo khảo sát, phân loại đối tượng (người chưa biết, biết cơ bản)
1.2	Thành lập đội ngũ cốt cán	Tuyển chọn, tập huấn cho các giáo viên nòng cốt, đội ngũ thanh niên tình nguyện viên.	GV Tin học, GV, Đoàn TN	Tháng 9 hàng năm	Danh sách đội ngũ cốt cán (tối thiểu 10 người)
1.3	Tổ chức các lớp tập huấn cộng đồng	Mở các lớp học miễn phí vào cuối tuần/buổi tối, tập trung vào: a. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến (VN eID, BHXH số, dịch vụ y tế, giáo dục) b. Thanh toán không dùng tiền mặt. c. An toàn thông tin cơ bản (nhận biết lừa đảo, bảo vệ dữ liệu cá nhân)	Phụ huynh, người dân địa phương	Quý IV hàng năm & hè	Tối thiểu 02 lớp tập huấn/năm học, có danh sách người học và đánh giá sau khóa học.
1.4	Xây dựng tài liệu hướng dẫn	Biên soạn các tài liệu hướng dẫn đơn giản, dễ hiểu (dạng tờ rơi, video ngắn, infographic) bằng ngôn ngữ địa phương.	Đội ngũ cốt cán	Tháng 10 hàng năm	Bộ tài liệu số và in ấn phát miễn phí

Lĩnh vực 2: Xây dựng Khung năng lực số (NLS) trong nhà trường

STT	Hoạt động	Mô tả chi tiết	Đối tượng tham gia	Thời gian thực hiện	Kết quả
-----	-----------	----------------	--------------------	---------------------	---------

2.1	Phổ biến Khung NLS	Truyền thông, tổ chức hội thảo để toàn thể giáo viên hiểu rõ các tiêu chí của Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT.	100% Cán bộ, GV, NV	Tháng 9 hàng năm	Biên bản hội thảo, tài liệu phổ biến
2.2	Đánh giá năng lực đầu vào	Thực hiện bài kiểm tra/khảo sát năng lực số cho cả giáo viên và học sinh ở đầu năm học.	GV & Học sinh toàn trường	Tháng 9 - 10 hàng năm	Báo cáo đánh giá mức độ NLS hiện tại của trường
2.3	Tích hợp NLS vào chương trình	Lồng ghép 6 miền NLS vào nội dung các môn học, đặc biệt là Tin học, Hoạt động trải nghiệm, Tự nhiên & Xã hội.	Tổ chuyên môn	Quý I, II hàng năm	Ma trận tích hợp NLS trong kế hoạch bài dạy của các tổ chuyên môn
2.4	Tổ chức các sự kiện NLS	Tổ chức cuộc thi "Đại sứ NLS", "Sáng tạo nội dung số", "Hùng biện an toàn mạng" cho học sinh.	Học sinh, GVCN	Định kỳ (VD: Tháng 11)	Giải thưởng, bài dự thi của học sinh

Lĩnh vực 3: Chuyển đổi số (CDS) trong Quản lý và Dạy học

STT	Hoạt động	Mô tả chi tiết	Đối tượng tham gia	Thời gian thực hiện	Kết quả
3.1	Nâng cấp hạ tầng công nghệ	Kiểm tra, nâng cấp hệ thống mạng Wi-Fi, bảo trì phòng máy tính, lắp đặt thiết bị tương tác (màn hình thông minh).	Ban Giám hiệu, Bộ phận CNTT	Hè hàng năm	Báo cáo kỹ thuật, hạ tầng ổn định
3.2	Hoàn thiện CSDL giáo dục	Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu trên hệ thống CSDL ngành (hồ sơ học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất).	Ban Giám hiệu, Văn thư, GVCN	Định kỳ hàng tháng	CSDL sạch, đồng bộ, chính xác

3.3	Triển khai quản lý phi giấy tờ	Sử dụng hoàn toàn sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, họp trực tuyến, ký số văn bản nội bộ.	Toàn thể CB, GV, NV	Thường xuyên	Giảm thiểu sử dụng giấy tờ hành chính; 100% văn bản nội bộ được ký số
3.4	Đổi mới phương pháp dạy học số	Đào tạo giáo viên thiết kế bài giảng E-learning, sử dụng học liệu số mở (OER), áp dụng phương pháp Blended learning.	Giáo viên	Quý III hàng năm	Bộ sưu tập bài giảng E-learning chất lượng; báo cáo chuyên đề đổi mới PPDH
3.5	Đánh giá CDS hàng năm	Tự đánh giá mức độ CDS của nhà trường theo bộ tiêu chí của Bộ GD&ĐT.	Ban Giám hiệu, Ban CDS	Cuối năm học (Tháng 5)	Báo cáo đánh giá, đề xuất cải tiến

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông và tuyên truyền

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên, kịp thời về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu của PT “Bình dân học vụ số”, nhằm tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong nhận thức, hành động của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, PHHS.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, HS, cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia phong trào; lan tỏa tinh thần tự học, tự bồi dưỡng, chủ động chia sẻ tri thức, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng hiệu quả các tiện ích số thiết yếu, góp phần xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy CDS toàn diện.

Phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trong nhà trường dưới hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm tính trang trọng, lan tỏa, hiệu quả.

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, đảm bảo linh hoạt, kịp thời, phù hợp từng đối tượng (Hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn; tuyên truyền trực quan qua bảng tin, pano, áp phích, khẩu hiệu; đăng tin, bài, video clip trên cổng thông tin điện tử, fanpage của nhà trường; sử dụng mạng xã hội để chia sẻ thông tin, sản phẩm truyền thông; tổ chức các cuộc thi sáng tác sản phẩm truyền thông; lồng ghép tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt tập thể, tổ chức ngày hội công nghệ, “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hàng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia); trải nghiệm các nền tảng, dịch vụ số

ồ, lớp học số cho cộng đồng...), tạo sự lan tỏa, thu hút đông đảo học sinh, phụ huynh và cộng đồng tham gia. Tăng cường phối hợp với các cơ quan đoàn thể của địa phương để tuyên truyền sâu rộng, góp phần lan tỏa phong trào mạnh mẽ, bền vững.

2. Phổ cập tri thức về CDS, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, phụ huynh trong trường

2.1. Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, BD nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho 100%CB, GV, NV trong cơ quan; trang bị kỹ năng sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, phần mềm QLGD, phần mềm quản trị trường học, chữ ký số, bảo mật thông tin, các ứng dụng công nghệ thiết yếu phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, hỗ trợ học sinh, phụ huynh và người dân.

Đa dạng hóa hình thức BD, tập huấn (kết hợp trực tiếp và trực tuyến); tổ chức các chuyên đề theo nhóm đối tượng, bộ phận; sử dụng các học liệu số làm phương tiện hỗ trợ; thường xuyên cập nhật kiến thức mới về công nghệ, chuyển đổi số.

Đưa kết quả tập huấn, BD, khả năng ứng dụng công nghệ, kỹ năng số vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm; gắn với thi đua của tổ chuyên môn.

Phân công rõ trách nhiệm cho các tập thể, cá nhân trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập kỹ năng số.

2.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh

Tổ chức dạy học môn tin học, tích hợp GD kỹ năng số trong dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp... theo chương trình giáo dục phù hợp; bảo đảm kỹ năng số được giảng dạy, rèn luyện thường xuyên, liên tục, có hệ thống.

Hướng dẫn, giáo dục, rèn luyện HS, các kỹ năng tìm kiếm, khai thác, đánh giá, sử dụng thông tin trên môi trường mạng, đúng mục đích, hiệu quả, an toàn, phù hợp quy định pháp luật; sử dụng các công cụ, phần mềm, đặc biệt các công cụ, phần mềm có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo góp phần nâng cao chất lượng học tập, phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện, khả năng thích ứng với công nghệ mới.

Giáo dục kỹ năng ứng xử, giao tiếp văn minh, tôn trọng pháp luật, chuẩn mực đạo đức khi tham gia môi trường mạng; nhận biết, phòng tránh rủi ro, hạn h vi xấu, lừa đảo, xâm hại trên không gian mạng; rèn luyện kỹ năng bảo vệ bản thân, bảo mật thông tin cá nhân cho CB, GV, NV và học sinh.

Tổ chức, duy trì các câu lạc bộ công nghệ: CLB tin học, CLB Nghệ thuật, CLB Tiếng Anh,... để HS sinh hoạt định kì, chia sẻ kỹ năng, sáng tạo SP truyền thông số.

Khuyến khích phát triển các không gian công nghệ, thư viện số, trong đó tích hợp tài nguyên học tập số, phần mềm hỗ trợ, tài liệu HD kỹ năng số để HS thường xuyên tiếp cận, trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng số.

Khuyến khích các bộ phận, tổ chức trong nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học phát triển mô hình trải nghiệm về AI, IoT, kỹ thuật số cơ bản, tổ chức các hoạt động như “Ngày hội công nghệ số”, “Tuần lễ chuyển đổi số học đường”..qua đó hình thành năng lực công nghệ cho học sinh .

Gắn giáo dục kỹ năng số với mục tiêu hình thành **công dân số**, phát triển ý thức trách nhiệm xã hội cho học sinh.

Đưa kết quả rèn luyện kỹ năng số, tham gia phong trào “Bình dân học vụ số” vào tiêu chí thi đua của học sinh thi đua tập thể lớp, câu lạc bộ.

3. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa KNS cho cộng đồng

Phát triển từ các tổ/nhóm/câu lạc bộ công nghệ thông tin hiện có: (CLB Công nghệ thông tin, Câu lạc bộ Tin học, CLB Nghệ thuật, CLB Tiếng Anh,...)

Thành lập mới tổ/nhóm nòng cốt về chuyển đổi số gồm đội ngũ CB, giáo viên, nhân viên, học sinh có năng lực số, kỹ năng số tại đơn vị. Trên cơ sở đội ngũ nòng cốt tổ chức các hoạt động, chuyên đề, tập huấn, thực hành để tuyên truyền, hướng dẫn, trang bị cho giáo viên, HS, kỹ năng sử dụng dịch vụ số, tiện ích số, kỹ năng tư vấn, hỗ trợ cộng đồng sử dụng dịch vụ số, tiện ích số.

Phát động thi đua giữa các tổ, các khối và các lớp về hiệu quả, sáng tạo trong tổ chức mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cộng đồng; định kì sơ kết, tổng kết, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đưa kết quả triển khai phong trào vào tiêu chí thi đua, xếp loại hàng năm.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân; nguồn KP lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác.

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

1. Ban chuyển đổi số, Ban công nghệ thông tin

Là đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc các tổ chuyên môn, cá nhân viên chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Định kỳ hàng tháng, hàng quý tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng, Ban giám hiệu kết quả thực hiện kế hoạch, tham mưu báo cáo UBND phường, Sở GD & ĐT theo quy định, nếu rõ khó khăn, vướng mắc (nếu có) và đề xuất giải pháp xử lý.

Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” tới cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai sâu rộng, hiệu quả, tạo sự lan tỏa toàn diện về nhận thức và hành động của Phong trào.

Truyền thông trên cổng thông tin điện tử và các nền tảng số để 100% CBGVNV, CMHS, HS nắm bắt về chủ trương và sự cần thiết của phong trào.

Tổ chức tập huấn, triển khai các ứng dụng của các phần mềm phục vụ công tác quản lý, cải cách hành chính, phần mềm dạy học ngay từ trong hè 2025 và thực hiện thường xuyên trong năm học.

Tham mưu tổ chức các cuộc thi kỹ năng về CNTT, ứng dụng chuyển đổi số, phong trào “đổi mới sáng tạo trong dạy và học”.

Triển khai thực hiện theo nhiệm vụ phân công khác.

2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường:

Tích cực hưởng ứng, làm công tác truyền thông.

Tiên phong trong chuyển đổi số và lan tỏa, hỗ trợ đồng nghiệp, CMHS, học sinh trong thực hiện phong trào.

Thực hiện nghiêm túc các nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch hưởng ứng, triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, Khung năng lực số và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục của trường THCS Ngọc Lâm.

Đề nghị các bộ phận chuyên môn, viên chức trong nhà trường tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao; tổng hợp báo cáo các cấp định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường (để b/c);
- CB, GV, NV, HS (để t/h);
- Lưu VP ().



Ngô Hồng Giang